

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐÓP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

09

Số: 573/UBND-KT

Bù Đóp, ngày 12 tháng 7 năm 2012

V/v Góp ý dự thảo báo cáo tổng hợp
công tác giao khoán đất lâm nghiệp

Kính gửi:

- Phòng Nông nghiệp và PTNT;
- Phòng Tài nguyên-Môi trường;
- Hạt Kiểm lâm;
- Nông - lâm trường Bù Đóp.

Thực hiện công văn số 748/SNN-LN ngày 05/7/2012 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc góp ý dự thảo báo cáo tổng hợp công tác giao khoán,

UBND huyện giao phòng Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với phòng TN-MT, Hạt Kiểm lâm và Nông-Lâm trường Bù Đóp (Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé) tham mưu UBND huyện góp ý đối với dự thảo "Báo cáo tình hình giao khoán đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước". (Gửi kèm theo dự thảo báo cáo).

Văn bản góp ý gửi về Sở NN&PTNT trước ngày **20/7/2012**.

Các đơn vị nhận dự thảo báo cáo qua trang Website: budop.binhphuoc.gov.vn (mục: THÔNG BÁO MỚI).

Yêu cầu phòng NN&PTNT và các đơn vị triển khai thực hiện./.

(Gửi kèm công văn số 748/SNN-LN ngày 05/7/2012 của Sở NN và PTNT)

Nơi nhận:

- CT, PCTKT;
- Như trên;
- LĐVP, CVKT;
- Lưu: VT.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

UBND HUYỆN BÙ ĐÓP

PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

TRƯỜNG NÔNG - LÂM TRƯỜNG BÙ ĐÓP

TRƯỜNG NÔNG - LÂM TRƯỜNG BÙ ĐÓP

TRƯỜNG NÔNG - LÂM TRƯỜNG BÙ ĐÓP

TRƯỜNG NÔNG - LÂM TRƯỜNG BÙ ĐÓP

Dương Thế Nhân

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 748 /SNN-LN
V/v góp ý dự thảo báo cáo
tổng hợp công tác giao khoán

Bình Phước, ngày 05 tháng 7 năm 2012

Kính gửi:

CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 2011
Ngày 05 tháng 7 năm 2012

- Sở Tài nguyên - Môi trường;
- UBND huyện: Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Đăng, Đồng Phú, Hớn Quản, Bù Gia Mập;
- Các đơn vị chủ rừng.

Nhằm tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện công tác giao khoán giai đoạn 1994 - 2012 trên địa bàn tỉnh Bình Phước và đề xuất các giải pháp nhằm quản lý, sử dụng đất hiệu quả diện tích đất giao khoán, UBND tỉnh Bình Phước đã ban hành Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 14/3/2012 về việc Kiểm tra, rà soát diện tích đất lâm nghiệp giao khoán. Trên cơ sở đó, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp với Sở Tài nguyên - Môi trường; UBND các huyện: Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Gia Mập, Bù Đăng, Đồng Phú và Hớn Quản tiến hành kiểm tra tình hình giao khoán rừng và đất lâm nghiệp. Sau khi tổng hợp số liệu và lập dự thảo báo cáo, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, các đơn vị chủ rừng:

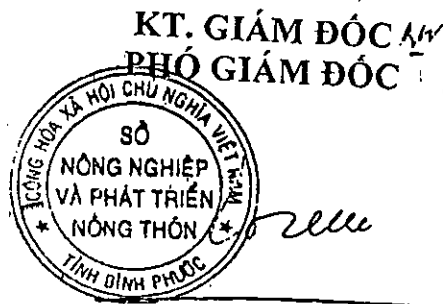
1. Có ý kiến góp ý bằng văn bản đề Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn chỉnh dự thảo, báo cáo UBND tỉnh.
2. Văn bản góp ý gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Lâm nghiệp) trước ngày 20/7/2012.

(Gửi kèm dự thảo báo cáo)

Đề phối hợp chuẩn bị nội dung tổ chức hội nghị tổng kết công tác giao khoán trên toàn tỉnh được thành công tốt đẹp và kịp thời gian, đề nghị các đơn vị có ý kiến bằng văn bản gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp báo cáo chung toàn tỉnh. /#

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, PGD: LN, KL;
- Lưu: VT, CCLN.



DỰ THẢO

BÁO CÁO

Tình hình giao khoán đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Thực hiện Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 14/3/2012 của UBND tỉnh về việc Kiểm tra, rà soát diện tích đất lâm nghiệp giao khoán,

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, các đơn vị chủ rừng tiến hành kiểm tra, rà soát các hồ sơ giao khoán trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, sau khi tổng hợp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo UBND tỉnh tình hình giao khoán đất lâm nghiệp từ năm 1994 đến năm 2012, với những nội dung cụ thể như sau:

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH GIAO KHOÁN

Bình Phước là tỉnh thuộc Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, là một tỉnh nằm trong vùng có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển kinh tế nông lâm nghiệp với khí hậu nhiệt đới ôn hòa, địa hình miền núi nhưng ít dốc, đất đai màu mỡ với 3 loại đất được chú trọng: Đất đỏ Bazan, Đất xám Feralit, Đất phù sa. Tỉnh Bình Phước có diện tích tự nhiên là 685.599 ha. Trong đó, diện tích rừng và đất lâm nghiệp là 178.730 ha, chiếm 25% tổng diện tích tự nhiên, bao gồm 31.282 ha rừng đặc dụng, 44.898 ha rừng phòng hộ, 102.550 ha rừng sản xuất. Cùng với việc sắp xếp, đổi mới các nông lâm trường quốc doanh, công tác giao khoán rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh đã tạo động lực phát triển kinh tế lâm nghiệp, góp phần xóa đói, giảm nghèo cho người dân sống trên địa bàn gần rừng để tiếp tục sản xuất lâm nghiệp trong thời kỳ kinh tế thị trường. Công tác giao khoán đã mang lại hiệu quả rõ rệt, góp phần xóa đói, giảm nghèo, ổn định cuộc sống cho đội ngũ công nhân, cán bộ kỹ thuật trong các đơn vị giao khoán, gìn giữ an ninh quốc phòng.

1. Năm 1993 để thực hiện mục tiêu phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, Nhà nước ban hành Quyết định số 327/HĐBT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (chương trình 327). Nhằm huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế vào việc trồng rừng, phát triển sản xuất nông nghiệp – lâm nghiệp – ngư nghiệp, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách như Nghị định số 02/CP ngày 15/01/1994 về việc giao đất lâm nghiệp cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; Quyết định số 202-TTg ngày 02/5/1994 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về khoán bảo vệ rừng, khoán nuôi tái sinh rừng và trồng rừng. Trong đó, khoán trồng rừng sản xuất được Nhà nước đầu tư vốn hàng năm hoặc vay vốn ưu đãi của Chính phủ. Đối tượng nhận khoán (sau đây gọi là hộ nhận khoán), bao gồm nhiều đối tượng: hộ gia đình, cá

nhân, các cơ quan, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang, các trường học, các tổ chức xã hội, các tổ chức kinh tế. Những hộ đồng bào dân tộc còn du canh du cư, những người đang sinh sống tại chỗ, những người ở nơi khác đến lập nghiệp lâu dài được ưu tiên nhận khoán.

Đối với tỉnh Sông Bé trước đây (nay là tỉnh Bình Phước) cũng xuất phát từ những mục tiêu trên, nhằm phát huy lợi thế về tiềm năng về đất đai, đã ban hành nhiều chính sách thu hút đầu tư trong lĩnh vực lâm nghiệp như khai thác, chế biến lâm sản và nhất là chính sách giao khoán rừng và đất lâm nghiệp. Trên cơ sở Nghị định số 02/CP và Quyết định số 202-TTg, UBND tỉnh Sông Bé (cũ) đã ban hành Quyết định số 4539/QĐ-UB ngày 19/4/1994 quy định cụ thể về công tác giao, giao khoán đất lâm nghiệp.

Nội dung quy định về giao khoán đất lâm nghiệp để trồng rừng như sau:

- Đối tượng giao khoán: Hộ gia đình, tổ chức.

- Hạn mức giao khoán: Không quá 100 ha đối với hộ cá nhân; không quá 500 ha đối với tổ chức, doanh nghiệp tư nhân, lực lượng vũ trang và không quá 1.000 ha đối với doanh nghiệp Nhà nước cho trường hợp sử dụng vốn tự có, trường hợp có sử dụng vốn ngân sách thì hộ gia đình được giao không quá 12 ha/hộ.

- Hồ sơ giao khoán gồm: Đơn xin nhận khoán, thiết kế kỹ thuật hàng năm được phê duyệt, hợp đồng khoán, bản đồ (sơ đồ giao khoán), đối với tổ chức thì phải có phương án quản lý tổ chức sản xuất kinh doanh.

- Quyền lợi của hộ nhận khoán đối với trường hợp do hộ nhận khoán tự bỏ vốn là sản phẩm khi khai thác được hưởng toàn bộ các sản phẩm khác đã bỏ vốn đầu tư trên diện tích đất nhận khoán. Điều này thể hiện chính sách khuyến khích người nhận khoán bỏ vốn đầu tư sản xuất lâm nghiệp của tỉnh Sông Bé trong giai đoạn này.

2. Năm 1995, Chính phủ ban hành Nghị định 01/CP và để tiếp tục triển khai Dự án 661, ngay sau thành lập tỉnh, UBND tỉnh Bình Phước đã ban hành Quyết định số 1119/QĐ-UB ngày 15/7/1997 về việc quy định thực hiện giao khoán đất sử dụng vào mục đích sản xuất Nông Lâm nghiệp nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp Nhà nước.

Nội dung quy định thực hiện giao khoán đất sử dụng vào mục đích sản xuất Nông Lâm nghiệp như sau:

- Đối tượng giao khoán: Rừng phòng hộ cấp 2 và cấp 3; rừng sản xuất.

- Hộ nhận khoán là các tổ chức, hộ gia đình. Hộ nhận khoán bỏ vốn đầu tư vào sản xuất (giao khoán trắng). Giao khoán quản lý bảo vệ rừng tự nhiên vẫn thực hiện theo Nghị định 01/CP.

- Hạn mức giao khoán được giới hạn lại, cụ thể: không quá 10 ha đối với hộ cá nhân nhận khoán và không quá 100 ha đối với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, tổ chức nhận khoán. Việc quy định về cơ cấu cây lâm nghiệp trên tổng diện tích nhận khoán và giới hạn diện tích giao khoán có thể lý

giải bởi các nguyên nhân sau: Trong giai đoạn này tỉnh Bình Phước đang phát triển mạnh diện tích cây điều, hồ tiêu; nhu cầu sử dụng đất tăng cao, quỹ đất giao khoán không còn như trước; Đất đai màu mỡ, giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích được tăng lên đáng kể, thu hút các hộ nhận khoán tham gia phát triển kinh tế lâm nghiệp.

3. Sau khi Luật Đất đai (2003) và Luật Bảo vệ và Phát triển rừng (2004) có hiệu lực, để phù hợp với các chính sách mới về đất đai, ngày 8/11/2005, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 135/2005/NĐ-CP về việc giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các nông trường, lâm trường quốc doanh. Trên địa bàn tỉnh Bình Phước được cụ thể hóa bằng Quyết định số 21/QĐ-UB ngày 16/5/2008.

Nội dung Nghị định 135, Quyết định số 21/QĐ-UB quy định như sau:

- Đối tượng giao khoán: Rừng sản xuất
- Đối tượng nhận khoán là hộ gia đình, cá nhân; các tổ chức, doanh nghiệp không được nhận khoán.
- Hạn mức: Hạn mức giao khoán: Đất trồng cây hàng năm không quá 3 ha; đất trồng cây lâu năm không quá 5 ha; trồng rừng không quá 10 ha, giao khoán quản lý bảo vệ rừng tối đa 30 ha.
- Hình thức giao khoán: Tùy theo tình hình thực tế, có 02 hình thức khoán là khoán ổn định theo chu kỳ cây trồng hoặc chu kỳ kinh doanh và khoán công đoạn.

Đối với việc rà soát xử lý các hồ sơ giao khoán theo Nghị định 01/CP ngày 04/01/1995 và Quyết định 4539/QĐ-UBND ngày 19/4/1994; Quyết định 1119/QĐ-UBND ngày 15/7/1997 cho phù hợp với Nghị định 135/2005/NĐ-CP và Thông tư 102/2006/TT-BNN của Bộ Nông nghiệp và PTNT trường hợp thực hiện đúng hợp đồng, sử dụng đúng mục đích, đúng quy hoạch lập thêm phụ lục hợp đồng cho thực hiện hết thời gian đã ký kết. Hết thời gian hợp đồng chuyển sang cho thuê đất. Trường hợp thực hiện không đúng hợp đồng, sử dụng sai mục đích, chuyển nhượng thành quả trái phép thì thu hồi diện tích giao khoán, hủy bỏ hợp đồng và hoàn trả hoặc đền bù tài sản trên đất.

Ngoài ra UBND tỉnh Bình Phước đã chấp thuận cho một số tổ chức được nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp mà không thuộc đối tượng giao khoán theo Nghị định số 135/2005/NĐ và Quyết định số 21/QĐ-UB tạo thành nên một loại hình giao khoán đặc thù là giao khoán theo chủ trương của UBND tỉnh.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC GIAO KHOÁN ĐẤT LÂM NGHIỆP

1. Tổng hợp chung về công tác giao khoán trên toàn tỉnh hiện nay:

Từ năm 1994 đến hết năm 2012, các đơn vị chủ rừng đã tiến hành giao khoán 24.353,2 ha đất lâm nghiệp và rừng sản xuất cho 4.441 hộ gia đình và 53 tổ chức. Sau khi rà soát, quy hoạch lại 03 loại rừng theo Quyết định số 11/2007/QĐ-UBND ngày 19/3/2007, các đơn vị chủ rừng đã lập thủ tục chuyển về địa phương 13.008,2 ha đất sản xuất nông nghiệp.

Hiện nay, tổng diện tích đất lâm nghiệp giao khoán: 11.345,0 ha. Gồm:

- Giao khoán quản lý, bảo vệ rừng: 1.304,1 ha.
- Giao khoán đất lâm nghiệp: 10.040,9 ha.
- Số hộ/diện tích nhận khoán: 1.552 hộ/7.679,4 ha
- Số tổ chức/diện tích nhận khoán: 31 tổ chức/3.665,6 ha.

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

a) Phân loại theo kết quả rà soát quy hoạch lại 3 loại rừng tại Quyết định số 11/2007/QĐ-UBND ngày 19/3/2007 của tỉnh Bình Phước:

- Diện tích giao khoán thuộc quy hoạch rừng phòng hộ: 1.569,9 ha.
- Diện tích giao khoán thuộc quy hoạch rừng sản xuất: 9.775,1 ha.

b) Phân loại theo cơ sở pháp lý của giao khoán đất lâm nghiệp:

❖ Giao khoán theo Quyết định 4539/QĐ-UB ngày 19/4/1994 của UBND tỉnh Sông Bé (cũ):

Tổng diện tích 663,9 ha, trong đó:

- Tổ chức: 01 tổ chức/109,3 ha;
- Hộ gia đình: 28 hộ/554,6 ha.

❖ Giao khoán theo Nghị định số 01/CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ và Quyết định 1119/QĐ-UB ngày 15/7/1997 của UBND tỉnh Bình Phước:

Tổng diện tích 5.711,6 ha, trong đó:

- Tổ chức: 15 tổ chức/1.271,7 ha;
- Hộ gia đình: 935 hộ/4.439,9 ha.

❖ Giao khoán theo Nghị định 135/2005/CP-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ và Quyết định số 21/QĐ-UB ngày 16/5/2008 của UBND tỉnh Bình Phước: Tổng diện tích 2.601,6 ha; giao khoán cho 587 hộ.

❖ Giao khoán do UBND tỉnh chấp thuận chủ trương:

Tổng diện tích 2.367,7 ha, trong đó:

- Tổ chức: 15 tổ chức/2.284,5 ha;
- Hộ gia đình: 02 hộ/83,2 ha.

2. Tổng hợp công tác giao khoán đất lâm nghiệp hiện nay theo đơn vị hành chính (cấp huyện):

2.1. Huyện Bù Gia Mập.

Gồm có 2 đơn vị giao khoán đất lâm nghiệp: Công ty TNHH MTV Cao su Phước Long (Nông lâm trường Đắc Mai, Nông lâm trường Đắc O), Ban QLRPH Bù Gia Mập.

- Tổng diện tích giao khoán: 1.102,8 ha.

- Số hộ nhận khoán: 109 hộ.
- Số tổ chức nhận khoán: 07 tổ chức.
- a) Ban QLRPH Bù Gia Phúc:**
- Tổng diện tích giao khoán: 766,0 ha. Trong đó:
 - + Giao khoán bảo vệ rừng: 137,2 ha.
 - + Giao khoán đất lâm nghiệp: 579,1 ha.
- Số hộ nhận khoán: 37 hộ/diện tích 186,9 ha.
- Số tổ chức nhận khoán: 3 tổ chức/diện tích 579,1 ha.

b) Nông lâm trường Đăk Ô:

- Tổng diện tích giao khoán: 158,35 ha.
- Số hộ nhận khoán: 72 hộ/diện tích 148,35 ha.
- Số tổ chức nhận khoán: 01 tổ chức/diện tích 10 ha.

c) Nông lâm trường Đăk Mai:

- Tổng diện tích giao khoán: 178,5 ha.
- Số hộ nhận khoán: 02 hộ/diện tích 20,0 ha.
- Số tổ chức nhận khoán: 03 tổ chức/diện tích 158,5 ha.

2.2. Huyện Lộc Ninh.

Gồm có 2 đơn vị giao khoán đất lâm nghiệp: Ban QLRPH Tà Thiết, Ban QLRPH Lộc Ninh.

- Tổng diện tích giao khoán: 2921,6 ha.
- Số hộ nhận khoán: 399 hộ.
- Số tổ chức nhận khoán: 07 tổ chức.

a) Ban QLRPH Tà Thiết:

- Tổng diện tích giao khoán: 1.936,8 ha.
- Số hộ nhận khoán: 316 hộ/diện tích 1.936,8 ha.

b) Ban QLRPH Lộc Ninh:

- Tổng diện tích giao khoán: 984,8 ha.
- Số hộ nhận khoán: 83 hộ/diện tích: 476,8 ha.
- Số tổ chức nhận khoán: 07 tổ chức/diện tích: 508,0 ha.

2.3. Huyện Hớn Quản: Ban QLRPH Minh Đức (cũ):

- Tổng diện tích giao khoán: 2.816,8 ha.
- Số hộ nhận khoán: 479 hộ/diện tích 2.181,5 ha.
- Số tổ chức nhận khoán: 03 tổ chức/diện tích 635,3 ha.

2.4. Huyện Bù Đăng.

Gồm có 3 đơn vị giao khoán đất lâm nghiệp: Nông lâm trường Cao su Đồng Nai (Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng), Nông lâm trường Nghĩa Trung (Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé) và Ban QLRPH Bù Đăng.

- Tổng diện tích giao khoán: 1.082,44 ha.
- Số hộ nhận khoán: 212 hộ.
- Số tổ chức nhận khoán: 05 tổ chức.
- a) Nông lâm trường Cao su Đồng Nai:**
- Tổng diện tích giao khoán: 383,20 ha. Trong đó:
 - + Giao khoán quản lý bảo vệ rừng: 67,10 ha;
 - + Giao khoán đất lâm nghiệp: 316,10 ha.
- Số hộ nhận khoán: 34 hộ/diện tích 132,20 ha.
- Số tổ chức nhận khoán: 04 tổ chức/diện tích 251,0 ha.

b) Ban QLRPH Bù Đăng:

- Tổng diện tích giao khoán: 281,25 ha.
- Số hộ nhận khoán: 72 hộ/diện tích 281,25 ha.

c) Nông lâm trường Nghĩa Trung:

- Tổng diện tích giao khoán: 417,99 ha. Trong đó:
 - + Giao khoán quản lý bảo vệ rừng: 108,40 ha;
 - + Giao khoán đất lâm nghiệp: 309,59 ha.
- Số hộ nhận khoán: 106 hộ/diện tích 354,99 ha.
- Số tổ chức nhận khoán: 01 tổ chức/diện tích 63 ha.

2.5. Huyện Đồng Phú.

Gồm có 2 đơn vị giao khoán đất lâm nghiệp: Nông lâm trường Tân Lập (Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước) và Ban QLRKT Tân Lập.

- Tổng diện tích giao khoán: 3.123,96 ha.
- Số hộ nhận khoán: 286 hộ.
- Số tổ chức nhận khoán: 09 tổ chức.

a) Nông lâm trường Tân Lập:

- Tổng diện tích giao khoán: 2.449,48 ha. Trong đó:
 - + Giao khoán quản lý bảo vệ rừng: 613,5 ha;
 - + Giao khoán đất lâm nghiệp: 1.835,98 ha.
- Số hộ nhận khoán: 236 hộ.
- Số tổ chức nhận khoán: 04 tổ chức.

b) Ban QLRKT Suối Nhung:

- Tổng diện tích giao khoán: 674,48 ha. Trong đó:
 - + Giao khoán quản lý bảo vệ rừng: 148,00 ha;
 - + Giao khoán đất lâm nghiệp: 526,48 ha.
- Số hộ nhận khoán: 50 hộ.
- Số tổ chức nhận khoán: 05 tổ chức.

2.6. Huyện Bù Đốp: Nông lâm trường Bù Đốp:

- Tổng diện tích giao khoán: 297,3 ha.
- Số hộ nhận khoán: 65 hộ/diện tích 297,3 ha.

III. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC GIAO KHOÁN ĐẤT LÂM NGHIỆP

1. Những kết quả đạt được trong công tác giao khoán đất lâm nghiệp:

Đến thời điểm hiện tại, sau quy hoạch 03 loại rừng theo Quyết định số 11/2007/QĐ-UBND ngày 19/3/2007 của tỉnh Bình Phước, trong tổng diện tích 24.353,2 ha đất lâm nghiệp giao khoán, các đơn vị đã rà soát và chuyển 13.008,2 ha đất giao khoán thuộc quy hoạch giao về địa phương với 2.901 hồ sơ giao khoán cho các hộ và 11 hồ sơ giao khoán cho các tổ chức để chuyển sang giao đất cho thuê đất theo Quyết định số 52/2009/QĐ-UBND ngày 04/11/2009 của UBND tỉnh. Các đơn vị cũng đã lập thủ tục thanh lý hợp đồng giao khoán đối với 11 hợp đồng giao khoán của các tổ chức do vi phạm hợp đồng hoặc lập thủ tục chuyển sang thuê đất lâm nghiệp theo đúng các quy định hiện hành.

Công tác giao khoán đất lâm nghiệp cho các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng là chủ trương lớn của nhà nước nhằm phát triển kinh tế, bảo tồn và phát triển diện tích rừng hiện có, mang đầy đủ ý nghĩa kinh tế - xã hội - môi trường.

1.1 Hiệu quả về kinh tế

- Huy động được nguồn vốn, lao động của bên nhận khoán, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tạo nguồn nguyên liệu ổn định để ngành công nghiệp chế biến sản phẩm nông, lâm sản phát triển. Nếu tính bình quân 11.345,0 ha đất lâm nghiệp giao khoán hiện nay với chi phí đầu tư bình quân mỗi năm 5 triệu đồng/ha thì trên toàn tỉnh đã huy động được hơn 55 tỷ đồng/năm cho đầu tư vào kinh tế lâm nghiệp.

- Từ thực tế giao khoán đất lâm nghiệp trong những năm qua ở Bình Phước cho thấy mỗi tổ chức, mỗi cá nhân đều có những cách làm riêng của mình để đạt được hiệu quả kinh tế cao nhất, ít tốn kém kinh phí, lao động và tiền vốn. Đã xuất hiện nhiều mô hình sản xuất nông lâm kết hợp, tìm ra được cách làm giàu trên mảnh đất được giao bằng kinh doanh cây lâm nghiệp với cây ăn quả, thích hợp với điều kiện thổ nhưỡng địa phương và thị trường. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 9.958,63 ha đất lâm nghiệp giao khoán để trồng rừng, trồng cây công nghiệp. Nếu tính bình quân thu nhập hàng năm khoảng 50 triệu đồng/ha và hiệu quả sử dụng đất khoảng 80% thì với 10.040,9 ha đất giao khoán (tương đương 8.000 ha đất được sử dụng) sẽ mang về cho tỉnh nhà 400 tỷ đồng mỗi năm.

1.2 Hiệu quả về xã hội

- Đảm bảo cho các tổ chức, hộ gia đình nhận khoán ổn định tâm lý, yên tâm đầu tư phát triển sản xuất, tạo động lực phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, góp phần tăng kim ngạch xuất khẩu nông lâm sản của tỉnh Bình Phước.

- Người dân tiếp cận được đất đai, hạn chế tình trạng thiếu đất sản xuất, nhân dân yên tâm, tin tưởng vào các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là trong chính sách luôn ưu tiên cho đồng bào dân tộc, nhân dân sống gần rừng và tham gia hoạt động quản lý bảo vệ rừng.

- Tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, xoá đói giảm nghèo, nâng cao mức sống cho người dân. Từ đó tạo động lực phát triển kinh tế, góp phần ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Góp phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) về khả năng tiếp cận và ổn định trong sử dụng đất.

1.3 Hiệu quả về môi trường

Công tác giao khoán đã góp phần hoàn thành việc phủ xanh đất trống, đồi núi trọc theo Chương trình 327, góp phần hoàn thành Dự án 661 trên địa bàn tỉnh. Diện tích đất giao khoán được sử dụng hiệu quả và đóng một vai trò hết sức quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu cây trồng trong những năm qua trên địa bàn tỉnh. Công tác giao khoán đã góp phần sử dụng hiệu quả và bền vững tiềm năng về đất đai. Giao khoán đất lâm nghiệp là tiên đề, góp phần quản lý, bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên rừng và đất rừng hiện có của tỉnh. Về mặt sinh học:

- Sinh khối và các bộ phận như cành nhánh, lá cây rơi rụng góp phần giữ được mực nước ngầm, hạn chế xói mòn, rửa trôi.

- Hạn chế xói mòn, rửa trôi đất, thoái hóa đất đai do cây trồng được chăm sóc đặc biệt như bón phân, tủ gốc, tưới tẩm.

- Hạn chế ô nhiễm môi trường, giảm lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính.

- Việc triển khai giao khoán đến các hộ gia đình, cá nhân góp phần hạn chế việc phá rừng làm rẫy trái phép, đảm bảo được độ che phủ của rừng, hạn chế thiên tai, lũ lụt góp phần cải thiện môi trường sống.

2. Một số tồn tại trong công tác giao khoán đất lâm nghiệp

Bên cạnh những mặt tích cực, công tác giao khoán rừng và đất lâm nghiệp cũng tồn tại nhiều hạn chế khác nhau, đó là:

- Các quy định thực hiện giao khoán đất lâm nghiệp thiếu ổn định nhiều lần thay đổi làm cho các đơn vị chủ rừng khó thực hiện..

- Việc ban hành các chính sách thiếu kịp thời, không đáp ứng được những thay đổi của tình hình thực tế. Cụ thể:

+ Năm 1995, Chính phủ ban hành Nghị định 01/CP quy định về giao khoán trong đó có hình thức khoán quản lý bảo vệ rừng nhưng đến nền ngày 12/11/2001 Chính phủ mới ban hành Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg về quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, thuê đất lâm nghiệp.

+ Các quy định của địa phương hướng dẫn thực hiện giao khoán trên địa bàn tỉnh ban hành chậm, cụ thể như Nghị định 01 của Chính phủ ra đời năm 1995 nhưng đến năm 1997 Quyết định 1119 của UBND tỉnh mới được ban hành. Tương tự, Nghị định 135 của Chính phủ ra đời năm 2005 nhưng đến năm 2008 Quyết định 21 của UBND tỉnh mới được ban hành.

- Thực hiện giao khoán trồng rừng (khoán trắng) theo các Quyết định 4539, Quyết định 1119 thì hộ nhận khoán được hưởng toàn bộ sản phẩm nhận khoán (bán sản phẩm chính cho bên giao khoán theo giá thỏa thuận). Nếu thực hiện giao khoán theo hình thức này các hộ nhận khoán không được cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất để yên tâm đầu tư phát triển sản xuất còn Nhà nước thì không thu được tiền bán sản phẩm của hộ nhận khoán.

- Trong thực hiện việc giao khoán do chủ đầu tư tự bỏ vốn (khoán trắng) trồng rừng sản xuất ban hành kèm theo Quyết định 202, Quyết định 4539 quy định việc trồng rừng bằng cây lâm nghiệp có chu kỳ kinh doanh trên 20 năm; Quyết định 1119 tuy không quy định trồng rừng bằng cây lâm nghiệp có chu kỳ kinh doanh nhưng cũng bắt buộc tỷ lệ cây lâm nghiệp tối thiểu là 20% tổng diện tích nhận khoán. Tuy nhiên do chu kỳ kinh doanh cây lâm nghiệp dài, lợi nhuận thấp, hiệu quả kinh tế thấp, do vậy các hộ dân thường tìm cách đối phó như chấp nhận trồng theo thiết kế được duyệt nhưng lại để cây trồng chết hoặc ken cây cho cây lâm nghiệp chết dần để cây công nghiệp phát triển.

- Từ khi Nghị định 135 có hiệu lực và ngay cả khi UBND tỉnh ban hành Quyết định 21 nhưng các đơn vị trước khi giao khoán không xây dựng phương án khoán trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định và phê duyệt theo đúng quy định. Đa số các trường hợp giao khoán là giao khoán trắng, các hợp đồng giao khoán đều do bên nhận khoán tự bỏ vốn để trồng, chăm sóc, bảo vệ và hưởng thành quả lao động. Trách nhiệm của bên giao khoán thường chỉ lập thiết kế còn các hoạt động như cung cấp cây giống, tư vấn kỹ thuật, dịch vụ phân bón; chỉ đạo thi công, kiểm tra, giám sát, trong cả quá trình thực hiện hợp đồng đều không thực hiện.

- Đối với việc rà soát xử lý các hồ sơ giao khoán theo quy định cũ (Nghị định 01/CP ngày 04/01/1995 và Quyết định 4539/QĐ-UBND ngày 19/4/1994; Quyết định 1119/QĐ-UBND ngày 15/7/1997) cho phù hợp với Nghị định 135/2005/NĐ-CP; Quyết định 21, quy định trường hợp thực hiện đúng hợp đồng, sử dụng đúng mục đích, đúng quy hoạch lập thêm phụ lục hợp đồng cho thực hiện hết thời gian đã ký kết. Hết thời gian hợp đồng chuyển sang cho thuê đất. Trường hợp thực hiện không đúng hợp đồng, sử dụng sai mục đích, chuyển nhượng thành quả trái phép thì thu hồi diện tích giao khoán, hủy bỏ hợp đồng và hoàn trả hoặc đền bù tài sản trên đất, tuy nhiên hiện nay hầu hết các đơn vị chưa rà soát và tổ chức thực hiện.

- Năm 2009, Căn cứ Chỉ thị số 11/2009/CT-UBND của UBND tỉnh và thực hiện công tác kiểm tra giao khoán UBND tỉnh đã thành lập kế hoạch 120/KH-UBND, Đoàn Công tác đã yêu cầu các đơn vị thực hiện giao khoán đất lâm nghiệp đúng quy định tại Nghị định 135/2005/NĐ-CP; Quyết định 21, tuy nhiên vẫn có một số đơn vị tiếp tục giao khoán không đúng quy định cụ thể như:

+ Nông lâm trường Tân Lập – Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước không lập phương án giao khoán đất lâm nghiệp, trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định và phê duyệt theo đúng quy định nhưng vẫn tổ chức giao khoán cho 21 hộ với tổng diện tích 75,52 ha.

+ Ban QLRPH Bù Đăng lập hồ sơ hợp thức hóa cho các hộ xâm canh đất lâm nghiệp trái phép từ giai đoạn 2003 đến 2010 trong đó có cả các hồ sơ giao khoán đối với các trường hợp rừng mới bị phá, xâm canh trong các năm 2009, 2010: Có 37 trường hợp giao khoán sau năm 2009 với diện tích 167,39 ha theo Nghị định 135/2005/CP-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ và Quyết định số

21/QĐ-UB ngày 16/5/2008 của UBND tỉnh Bình Phước nhưng Ban QLRPH Bù Đăng không lập phương án giao khoán theo đúng quy định tại Quyết định số 21/QĐ-UB ngày 16/5/2008 của UBND tỉnh Bình Phước. Đây là hồ sơ hợp thức hóa đối với các trường hợp xâm canh trước đó. Trong đó: Có 09 trường hợp là đất xâm canh từ 2004 trở về trước; 05 trường hợp là đất xâm canh giai đoạn 2005 đến 2008; Các trường hợp còn lại là đất xâm canh trồng cây lâu năm và rừng mới phá từ 2009 đến nay.

+ Ban QLRPH Tà Thiết lập hồ sơ giao khoán cho 29 trường hợp (29 hộ) với tổng diện tích 113,41 ha. Đây là các trường hợp người dân xâm canh, trồng cây lâu năm trong các năm 2007, 2008, có nhu cầu nhận khoán đã được Ban QLRPH Tà Thiết chấp thuận, lập thủ tục hợp thức hóa. Đối với các trường hợp này Ban QLRPH Tà Thiết không lập Phương án giao khoán theo đúng quy định theo Quyết định số 21/QĐ-UB ngày 16/5/2008 của UBND tỉnh Bình Phước.

- Việc giao khoán cho một số tổ chức theo chủ trương của UBND tỉnh không thuộc đối tượng giao khoán theo Nghị định 135; Quyết định 21 của UBND tỉnh đã làm giảm vai trò của đơn vị chủ rừng trong thực hiện các chính sách và kế hoạch của đơn vị.

- Bên cạnh những nguyên nhân khách quan, một trong những hạn chế của công tác giao khoán là từ bên giao khoán. Đơn vị giao khoán (chủ rừng) không nắm vững quy định về quyền lợi và nghĩa vụ của các bên giao và nhận khoán, chưa chủ động trong công tác giao khoán, cụ thể:

+ Lúng túng trong công tác xử lý khi xảy ra vi phạm hợp đồng, không kịp thời thanh lý hợp đồng, không phát huy được vai trò của đơn vị chủ rừng trong công tác quản lý, phát triển rừng dẫn đến những khiếu kiện, khiếu nại kéo dài (các trường hợp nhận khoán của Công ty CP DVTM Rạng Đông, Khối tình báo B58, hộ bà Nguyễn Thị Thanh Hợp...).

+ Một số trường hợp tổ chức, hộ gia đình nhận khoán tự ý chuyển nhượng thành quả lao động, chuyển hợp đồng giao khoán nhưng đơn vị giao khoán (đơn vị chủ rừng) không nắm bắt kịp thời.

+ Không triển khai ký lại hợp đồng, phụ lục hợp đồng hoặc tiến hành thanh lý hợp đồng theo đúng quy định đối với các hợp đồng giao khoán đã kết thúc một chu kỳ.

+ Các đơn vị giao khoán không thường xuyên kiểm tra việc thực hiện hợp đồng nhận khoán dẫn đến người dân địa phương lấn chiếm đất đai của các hộ nhận khoán mà không biết hoặc không xử lý kịp thời.

- Trong quá trình thực hiện dự án chuyển đổi rừng nghèo sang trồng cao su có một số dự án thực hiện thu hồi một số hợp đồng đang giao khoán cho người dân.

Chính những hạn chế trong chính sách giao khoán đất trong những năm gần đây trên địa bàn tỉnh đã làm xuất hiện nhiều vụ khiếu kiện, khiếu nại liên quan đến công tác giao khoán đất nông, lâm nghiệp, trong đó có những vụ khiếu kiện tập thể, kéo dài gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội. Đặc biệt là ở các huyện có nhiều đồng bào dân tộc sinh sống như

huyện Bù Đăng, Đồng Phú, Lộc Ninh, huyện Bù Gia Mập. Nếu khắc phục được những tồn tại này sẽ góp phần tạo hành lang pháp lý cho các hộ nhận khoán nâng cao giá trị sử dụng đất trên một đơn vị diện tích; đồng thời cũng góp phần tăng cường công tác quản lý Nhà nước trong phát triển kinh tế lâm nghiệp nói riêng và kinh tế nông lâm nghiệp nói chung.

III. KIẾN NGHỊ UBND TỈNH CHỈ ĐẠO:

1. Căn cứ quy định tại Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 của Thủ tướng chính phủ Quyết định một số chính sách phát triển rừng sản xuất giai đoạn 2007 – 2015, đối với diện tích 9.692,77 ha giao khoán cho hộ gia đình, tổ chức thuộc quy hoạch rừng sản xuất, đề nghị chủ rừng rà soát những trường hợp thực hiện đúng hợp đồng và trong vòng 3 năm liên tục người nhận khoán đều tự bỏ chi phí để thực hiện trồng chăm sóc cây trồng trên toàn bộ diện tích nhận khoán mà không được hỗ trợ về giống vật tư kỹ thuật bên giao khoán thì lập hồ sơ báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét trình UBND tỉnh chuyển sang hình thức giao đất, thuê đất.

2. Đối với các hồ sơ giao khoán có diện tích đất thuộc quy hoạch giao về cho địa phương quản lý, căn cứ vào quy hoạch sử dụng đất chi tiết được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt của địa phương, đề nghị đơn vị chủ rừng lập thủ tục thanh lý hợp đồng và chuyển sang thuê đất theo đúng Quy định về chính sách đối với quỹ đất nông nghiệp tách khỏi lâm phần theo Quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Quyết định số 52/2009/QĐ-UBND ngày 04/11/2009 của UBND tỉnh.

3. Đối với diện tích 1.569,9 ha của các hộ (đơn vị nhận khoán) nằm trong quy hoạch đất rừng phòng hộ vì đây không thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị định 135/2005/NĐ-CP nên đề nghị các đơn vị chủ rừng rà soát bổ sung hoàn chỉnh hợp đồng giao khoán theo Nghị định 01/NĐ-CP và Quyết định 1119/QĐ-UB.

4. Đối với các hồ sơ giao khoán quản lý bảo vệ rừng sản xuất cho các tổ chức theo Quyết định 1119 như Phân Viện Khoa học Lâm nghiệp tại Nông lâm trường Nghĩa Trung, Hợp tác xã Phú Tiến tại Nông lâm trường Cao su Đồng Nai: Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo đơn vị chủ rừng trước mắt rà soát hợp đồng nếu thực đúng thì cho tiếp tục thực hiện hợp đồng sau khi có giá rừng chuyển sang thuê rừng theo quy định; nếu vi phạm, tiến hành thanh lý hợp đồng và giao đơn vị chủ rừng tiếp nhận và quản lý diện tích giao khoán.

5. Sau khi rà soát các hợp đồng giao khoán cũ theo Nghị định 135 và Quyết định 21, đề nghị UBND tỉnh: Cho lập thủ tục thanh lý các hợp đồng giao khoán cũ không đúng quy định tại Nghị định 135, đối với tổ chức chuyển sang cho thuê đất hoặc thanh lý hợp đồng giao khoán; đối với cá nhân tiến hành giao khoán mới theo đúng quy định. Không tiến hành ban hành các chủ trương chấp thuận cho các tổ chức, cá nhân được nhận khoán. Công tác giao nhận khoán do đơn vị chủ rừng xây dựng trên cơ sở phương án khoán được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định và phê duyệt.

6. Giao các đơn vị chủ rừng lập phương án giao khoán đất lâm nghiệp trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định và phê duyệt trước khi lập thủ tục giao khoán. Các đơn vị thực hiện giao khoán không đúng quy định chịu trách nhiệm trước pháp luật. Đồng thời nghiêm túc kiểm điểm những cá nhân, tổ chức liên quan tại đơn vị thực hiện giao khoán theo Nghị định 135/2005/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 21/2008/QĐ-UBND của UBND tỉnh nhưng không lập phương án giao khoán, giao khoán đất không đúng quy định. Đối với những trường hợp giao khoán đất theo Nghị định 135; Quyết định số 21 mà không có phương án giao đất và hồ sơ thiết kế kỹ thuật được phê duyệt đề nghị các đơn vị chủ rừng nêu rõ nguyên nhân và bổ sung phương án giao đất, phương án thiết kế kỹ thuật báo cáo UBND huyện và trình Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn xem xét, phê duyệt.

7. Đề nghị UBND huyện Bù Đăng kiểm tra, kiểm điểm Ban QLRPH Bù Đăng trong công tác giao khoán (*cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ 66 hồ sơ giao khoán theo Nghị định 135, Quyết định 21 và thuê khoán trồng rừng, chăm sóc rừng trồng Dự án 661*). Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có báo cáo UBND tỉnh, xin ý kiến chỉ đạo đối với các trường hợp giao khoán tại Ban QLRPH Bù Đăng.

8. Đề nghị UBND tỉnh cho ý kiến chỉ đạo đối với các trường hợp giao khoán theo Quyết định 1119 nhưng thời điểm hợp đồng sau khi Quyết định 21 của UBND tỉnh có hiệu lực.

9. Đề nghị các đơn vị chủ rừng tăng cường kiểm tra theo dõi công tác giao khoán, những trường hợp thay đổi cơ cấu cây trồng so với hợp đồng đã được ký kết cần báo cáo trình các cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

Trên đây là tổng kết, đánh giá tình hình giao khoán đất lâm nghiệp tại các đơn vị chủ rừng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 1994 - 2012, Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo UBND tỉnh xem xét, có ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- GD; PGD: LN, KL;
- UBND các huyện;
- Chi cục: Lâm nghiệp, Kiểm lâm;
- Các đơn vị chủ rừng;
- Lưu: VT, CCLN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Văn Lộc

BIỂU TỔNG HỢP GIAO KHOẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNN ngày / /2012)

STT	ĐƠN VỊ	ĐVT	CƠ SỞ GIAO KHOẢN				TỔNG DIỆN TÍCH	GIAO KHOẢN			QUY HOẠCH		
			202/4539	01/1119	135/21	CT UB		RTN	RT	ĐLN	PH	SX	
	HUYỆN ĐÔNG PHÚ												
I	NLT TÂN LẬP												
1,0	Công an tỉnh				395,4	395,4	7,3		388,1			395,4	
2,0	Công an huyện Đông Phú				197,6	197,6	107,0		90,6			197,6	
3,0	Công đoàn Hạt Kiểm lâm Đông Phú				3,8	3,8			3,8			3,8	
4,0	Khôi tinh báo B58				512,8	512,8	416,2		96,6			512,8	
<i>tổ chức</i>	4				1.109,6	1.109,6	530,5	0,0	579,1	0,0		1.109,6	
	Ông: Tô Văn Đạt				31,2	31,2	31,0		0,2			31,2	
	Bà: Nguyễn Thị Thanh Hợp				52,0	52,0	52,0					52,0	
	60	Hộ		443,2	0,0	0,0	443,2	0,0	0,0	443,2	0,0	443,2	
	174	Hộ			813,5	0,0	813,5	0,0	0,0	813,5	0,0	813,5	
<i>hộ</i>	236			0,0	443,2	813,5	83,2	1.339,9	83,0	0,0	1.256,9	0,0	1.339,9
<i>cộng</i>				0,0	443,2	813,5	1.192,8	2.449,5	613,5	0,0	1.836,0	0,0	2.449,5
II	BAN QLTKT SUỐI NHUNG												
1,0	Hợp tác xã Dân sinh				105,0	105,0	105,0					105,0	
2,0	Hợp tác xã Thành Tiến			40,0			40,0		40,0			40,0	
3,0	Công ty Lâm Phước			98,0			98,0		98,0			98,0	
4,0	Công ty Sinh Thái Miền Đông			60,0			60,0		60,0			60,0	
5,0	CD Sở Nông nghiệp & PTNT			48,0			48,0		48,0			48,0	
<i>tổ chức</i>	5			0,0	246,0	0,0	105,0	351,0	105,0	0,0	246,0	0,0	351,0
	3	Hộ		58,0			58,0		58,0			58,0	
	38	Hộ		0,0	197,7	0,0	0,0	197,7	43,0	24,8	129,9	0,0	197,7
	9	Hộ				67,8	67,8				67,8	67,8	
<i>hộ</i>	50	Hộ		58,0	197,7	67,8	0,0	323,5	43,0	24,8	255,7	0,0	323,5
<i>cộng</i>				58,0	443,7	67,8	105,0	674,5	148,0	24,8	501,7	0,0	674,5
<i>tổng tc</i>	9			0,0	246,0	0,0	1.214,6	1.460,6	635,5	0,0	825,1	0,0	1.460,6
<i>tổng hộ</i>	286			58,0	640,9	881,2	83,2	1.663,3	126,0	24,8	1.512,5	0,0	1.663,3
<i>tổng huyện</i>				58,0	886,9	881,2	1.297,8	3.124,0	761,5	24,8	2.337,7	0,0	3.124,0

STT	ĐƠN VỊ	ĐVT	CƠ SỞ GIAO KHOẢN				TỔNG DIỆN TÍCH	GIAO KHOẢN			QUY HOẠCH	
			202/4539	01/1119	135/21	CT UB		RTN	RT	ĐLN	PH	SX
	HUYỆN BÙ ĐĂNG											
I	BAN QL RPH BÙ ĐĂNG											
	37	Hộ			167,4		167,4			167,4		167,4
	35	Hộ		113,9			113,9			113,9	113,9	
<i>hộ</i>	72	Hộ	0,0	113,9	167,4	0,0	281,3	0,0		281,3	113,9	167,4
II	NLT NGHĨA TRUNG											
1,0	Phân Viện Khoa học LN			63,0			63,0	27,0		36,0		63,0
<i>tổ chức</i>	1			63,0	0,0	0,0	63,0	27,0	0,0	36,0	0,0	63,0
	29	Hộ	0,0	125,9	0,0	0,0	125,9	81,4	0,0	44,5	0,0	125,9
	77	Hộ			229,1		229,1			229,1		229,1
<i>hộ</i>	106	Hộ	0,0	125,9	229,1	0,0	355,0	81,4	0,0	273,6	0,0	355,0
<i>cộng</i>			0,0	188,9	229,1	0,0	418,0	108,4	0,0	309,6	0,0	418,0
III	NLT CAO SU ĐÔNG NAI											
1,0	Hợp tác xã Đại Hưng Thịnh			27,9			27,9			27,9	27,9	
2,0	Hợp tác xã Phú Tiến			36,1			36,1	36,1				36,1
3,0	Công ty TNHH Kim Hoa Đăng			87,0			87,0	31,0		56,0		87,0
4,0	Công ty TNHH Phú An			100,0			100,0			100,0	100,0	
<i>tổ chức</i>	4		0,0	251,0	0,0	0,0	251,0	67,1	0,0	183,9	127,9	123,1
<i>hộ</i>	34	Hộ		132,2			132,2			132,2	29,8	102,4
<i>cộng</i>			0,0	383,2	0,0	0,0	383,2	67,1	0,0	316,1	157,7	225,5
<i>tổng tc</i>	5		0,0	314,0	0,0	0,0	314,0	94,1	0,0	219,9	127,9	186,1
<i>tổng hộ</i>	212		0,0	372,0	396,5	0,0	768,4	81,4	0,0	687,0	143,7	624,8
<i>tổng huyện</i>			0,0	686,0	396,5	0,0	1.082,4	175,5	0,0	906,9	271,6	810,9
	HUYỆN BÙ GIA MẬP											
I	NLT ĐẮK MAI											
1,0	Công an huyện					59,0	59,0			59,0		59,0
2,0	Đồn Biên phòng 785					20,0	20,0			20,0		20,0
3,0	Công đoàn Vườn quốc gia					79,5	79,5			79,5		79,5
<i>tổ chức</i>	3				0,0	158,5	158,5	0,0	0,0	158,5	0,0	158,5
<i>hộ</i>	2	Hộ		20,0			20,0			20,0		20,0
<i>cộng</i>			0,0	20,0	0,0	158,5	178,5	0,0	0,0	178,5	0,0	178,5

STT	ĐƠN VỊ	ĐVT	CƠ SỞ GIAO KHOẢN				TỔNG DIỆN TÍCH	GIAO KHOẢN			QUY HOẠCH	
			202/4539	01/1119	135/21	CT UB		RTN	RT	DLN	PH	SX
II	NLT ĐÀK O'											
1,0	Đôn Biên phòng 785			10,0			10,0			10,0		10,0
<i>tổ chức</i>	1		0,0	10,0	0,0	0,0	10,0	0,0	0,0	10,0	0,0	10,0
<i>hộ</i>	72	<i>Hộ</i>			148,4		148,4			148,4		148,4
<i>cộng</i>			0,0	10,0	148,4	0,0	158,4	0,0	0,0	158,4	0,0	158,4
III	BAN QL RPH BÙ GIA PHÚC											
1,0	Bệnh viện Nhân Ái			175,7			175,7			175,7	175,7	
2,0	Công ty 27/7					258,9	258,9			258,9	254,7	4,2
3,0	Công ty Cao su Phước Long					144,5	144,5			144,5	104,4	40,1
<i>tổ chức</i>	3		0,0	175,7	0,0	403,4	579,1	0,0	0,0	579,1	334,8	44,3
<i>hộ</i>	37		0,0	49,7	137,2	0,0	186,9	0,0	137,2	49,7	59,2	27,7
<i>cộng</i>			0,0	225,4	137,2	403,4	766,0	0,0	137,2	628,8	694,0	72,0
<i>tổng tc</i>	7,0		0,0	185,7	0,0	561,9	747,6	0,0	0,0	747,6	534,8	212,8
<i>tổng hộ</i>	111,0		0,0	69,7	285,6	0,0	355,3	0,0	137,2	218,1	159,2	196,1
<i>tổng huyện</i>			0,0	255,4	285,6	561,9	1.102,9	0,0	137,2	965,7	694,0	408,9
	HUYỆN BÙ ĐÓP											
	NLT BÙ ĐÓP											
	1	<i>Hộ</i>	20,0				20,0			20,0	20,0	
	27	<i>Hộ</i>		118,0			118,0			118,0	118,0	
	37	<i>Hộ</i>			159,3		159,3			159,3		159,3
<i>hộ</i>	65	<i>Hộ</i>	20,0	118,0	159,3	0,0	297,3	0,0	0,0	297,3	38,0	159,3
<i>tổng huyện</i>	65		20,0	118,0	159,3	0,0	297,3	0,0	0,0	297,3	38,0	159,3
	HUYỆN LỘC NINH											
I	BAN QL RPH LỘC NINH											
1,0	DNTN KT-CB gỗ Phong Phú					130,0	130,0			130,0		130,0
2,0	Bộ đội BP TP Hồ Chí Minh					55,0	55,0			55,0		55,0
3,0	Đôn Biên phòng 805					6,0	6,0			6,0		6,0
4,0	Cục 12 - Bộ Quốc phòng					40,0	40,0			40,0		40,0
5,0	Đôn Biên phòng 803					9,0	9,0			9,0		9,0
6,0	BCH BĐ Biên phòng Bình Phước					46,0	46,0			46,0		46,0
7,0	Cục II - Bộ Quốc phòng					222,0	222,0	194,0		28,0		222,0
<i>tổ chức</i>	7					508,0	508,0	194,0	0,0	314,0		508,0
	13	<i>Hộ</i>			82,3		82,3			82,3		82,3
	70	<i>Hộ</i>		394,5			394,5			394,5		394,5
<i>hộ</i>	83	<i>Hộ</i>		394,5	82,3	0,0	476,8	0,0	0,0	476,8	0,0	476,8
<i>cộng</i>				394,5	82,3	508,0	984,8	194,0	0,0	790,8	0,0	984,8

STT	ĐƠN VỊ	ĐVT	CƠ SỞ GIAO KHOẢN				TỔNG DIỆN TÍCH	GIAO KHOẢN			QUY HOẠCH	
			202/4539	01/1119	135/21	CT UB		RTN	RT	ĐLN	PH	SX
II	BAN QLRPH TÀ THIẾT											
	178	Hộ		1.140,0			1.140,0			1.140,0		1.140,0
	138	Hộ	0,0	0,0	796,8	0,0	796,8	0,0	0,0	796,8	0,0	796,8
<i>hộ</i>	316	Hộ		1.140,0	796,8	0,0	1.936,8	0,0	0,0	1.936,8	0,0	1.936,8
<i>tổng tc</i>	7		0,0	0,0	0,0	508,0	508,0	194,0	0,0	314,0	0,0	508,0
<i>tổng hộ</i>	399		0,0	1.534,5	879,1	0,0	2.413,6	0,0	0,0	2.413,6	0,0	2.413,6
<i>tổng huyện</i>			0,0	1.534,5	879,1	508,0	2.921,6	194,0	0,0	2.727,6	0,0	2.921,6
	HUYỆN HÓN QUẢN											
	BAN QLRPH MINH ĐỨC (CŨ)											
1,0	Trung tâm BTXH Tân Hiệp			11,0			11,0	11,0				11,0
2,0	Công ty TNHH Khánh Giang			515,0			515,0			515,0		515,0
3,0	QK7		109,3				109,3			109,3	109,3	
<i>tổ chức</i>	3		109,3	526,0	0,0	0,0	635,3	11,0	0,0	624,3	109,3	526,0
	455	Hộ	0,0	1.704,9	0,0	0,0	1.704,9	0,0	0,0	1.704,9	238,0	1.466,9
	24	Hộ	476,6	0,0	0,0	0,0	476,6	0,0	0,0	476,6	139,0	357,6
<i>hộ</i>	479	Hộ	476,6	1.704,9	0,0	0,0	2.181,5	0,0	0,0	2.181,5	377,0	1.824,5
<i>tổng huyện</i>			585,9	2.230,9	0,0	0,0	2.816,8	11,0	0,0	2.805,8	406,3	2.350,5
<i>tổng tc</i>	31		109,3	1.271,7	0,0	2.284,5	3.665,6	93,6	0,0	2.730,9	772,0	2.893,5
<i>tổng hộ</i>	1.552		554,6	4.439,9	2.601,6	83,2	7.679,4	20,4	162,0	7.310,0	797,9	6.881,5
<i>toàn tỉnh</i>			663,9	5.711,7	2.601,6	2.367,7	11.345,0	1.142,0	162,0	10.040,9	1.509,9	9.775,1